TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 16/4/2021

"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Hoan

2. Bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Hồng Quỳnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Đoàn Thị Thùy T, sinh năm 1998.

ĐKHKTT: Số 9A ĐLK, Khu 17, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Số 9A ĐLK, Khu 17, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Số 38/341 NHC, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

***Người làm chứng:**

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Phố Q, thôn B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

- Ông Đoàn Đình T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Thùy T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh Nguyễn Thế C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/6/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở cùng mẹ đẻ anh C được một thời gian ngắn sau đó đến khoảng cuối năm 2018 chị sinh con thì vợ chồng về sống cùng nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống anh C tính cách gia trưởng, không quan tâm chăm sóc chị, thường xuyên có những lời nói xúc phạm, xỉ vả chị và gia đình. Nhiều lần anh C còn đánh đập chị về những việc vô cớ. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng tháng 3 năm 2020, anh C ghen tuông nghi ngờ chị có người đàn ông khác và nhiều lần tra hỏi, đe dọa, đập điện thoại của chị. Sau đó anh C chuyển về phường N, thành phố H sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thời gian đầu anh C có 2 – 3 lần tìm chị về chung sống nhưng chị không về. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay anh C thỉnh thoảng có nhắn tin cho chị nhưng chỉ là những tin nhắn chửi bới, xỉ và chị và gia đình chị chứ không có mong muốn đoàn tụ. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- **Về quan hệ con chung**: Chị T xác định chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018. Hiện nay cháu M đang ở với chị. Ly hôn do cháu M còn nhỏ nên chị xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đi làm công nhân thu nhập bình quân khoảng 7.500.000đ - 8.000.000đ/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính, ngày làm việc 8 tiếng, chị không phải trực đêm. Thời gian chị đi làm bố mẹ đẻ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc trông nom con. Về chỗ ở hiện nay chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị, nhà cửa rộng rãi. Chị khẳng định sẽ đảm bảo mọi điều kiện về vật chất để nôi dưỡng con được tốt nhất.

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thế C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác định về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cách biệt nhau về tuổi tác dẫn đến quan điểm sống, cách suy nghĩ bất đồng. Chị T tính tình trẻ con, sống dựa vào gia đình, chỉ nghe lời bố mẹ mà không nghe lời anh. Bên cạnh đó bố mẹ đẻ chị T can thiệp quá sâu về chuyện riêng của vợ chồng.

Anh nhiều lần khuyên bảo chị T về Hải Dương sống nhưng chị T không nghe, tính cách không thay đổi. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 03 năm 2020, vì không chịu đựng được tính cách cũng như lối sống, cách sinh hoạt của gia đình chị T nên anh đã về nhà tại phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương sinh sống. Trong thời gian anh về sinh sống tại Hải Dương hàng tháng anh vẫn đến nhà chị T thăm con và bảo chị T về chung sống nhưng chị T không về. Anh cũng bảo gia đình nên nói chuyện với gia đình chị T hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết không về chung sống cùng anh. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

- Về quan hệ con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018. Quan điểm của anh C xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh làm công nhân thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ – 9.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi con. Hiện anh đang ở nhà của mẹ đẻ, mẹ đẻ anh đang làm thủ tục sang tên cho anh. Nếu Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng anh sẽ đảm bảo điều kiện vật chất, chỗ ăn ở để chăm sóc con được tốt nhất.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương theo ông Trần Anh T – Trưởng khu 17, phường N, thành phố H cung cấp: Vợ chồng chị T, anh C kết hôn với nhau vào năm nào khu không nắm được. Hiện không thấy chị T, anh C sinh sống cùng nhau tại khu mà chỉ có một mình anh C sinh sống tại địa chỉ số 38/341 NHC, phường N, thành phố H. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C khu không nắm được vì chị T không sống cùng anh C.

UBND xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên xác nhận: Chị T và anh C kết hôn với nhau vào năm 2018, sau đó về nhà bố mẹ đẻ chị T là ông Đoàn Đình Th ở thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Quá trình chung sống anh C, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh C.

Người làm chứng bà Phạm Thị S (mẹ đẻ anh C) trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh C và là mẹ chồng chị T. Sau khi kết hôn anh C và chị T về sống cùng bà tại phường N, thành phố H được khoảng gần 01 tháng sau đó chị T xin phép về nhà bố mẹ đẻ tại Hưng Yên chơi và ở luôn đó không về. Quá trình chung sống do chị T còn ít tuổi nên suy nghĩ bồng bột, không chín chắn. Về mâu thuẫn giữa chị T, anh C chủ yếu xảy ra ở nhà bố mẹ đẻ chị T tại Hưng Yên nên bà cũng không nắm được cụ thể chỉ nghe anh C nói vợ chồng mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, chị T nghe lời bố mẹ đẻ dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ khoảng đầu năm 2020, anh C về Hải Dương sinh sống nhưng chị T cũng không về sống cùng anh C.

Nay chị T xin ly hôn quan điểm của bà S mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chị T, anh C về đoàn tụ. Nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà S xác định chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn anh C, quan điểm của bà S đề nghị Tòa án giao con cho anh C nuôi dưỡng, bà sẽ cho anh C ngôi nhà ở phường N để anh C ở và nuôi con. Bà sẽ hỗ trợ cho anh C trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Người làm chứng ông Đoàn Đình Th (bố đẻ chị T) trình bày:

Chị T, anh C kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng ở thành phố H sinh sống được 01 tháng sau đó về sinh sống cùng vợ chồng ông tại xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C đi làm về nhà nhưng không giúp đỡ vợ việc nhà, chị T và gia đình ông có góp ý thì anh C có những lời nói và hành động xúc phạm gia đình ông. Anh C còn nhiều lần đánh đập, bóp cổ chị T. Đến khoảng tháng 3 năm 2020, anh C nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác nên ghen tuông, đe dọa, đập điện thoại của chị T sau đó anh C về nhà tại phường N, thành phố H sinh sống. Từ khi anh C về thành phố H sinh sống, chị T vẫn ở cùng gia đình ông. Anh C có một vài lần đến nhà ông để tìm chị T về chung sống nhưng chị T không về, có lần anh C còn đến gây sự với gia đình ông. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh C để chị T ổn định cuộc sống.

Ông Th xác định chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018. Đề nghị Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng. Gia đình ông sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ăn ở cũng như hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc cháu M, đảm bảo mọi điều kiện để cháu M phát triển tốt nhất.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con với anh C. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn anh C không đồng ý ly hôn chị T và xin nhận nuôi con. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về đướng lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đoàn Thị Thùy T ly hôn anh Nguyễn Thế C; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018 kể từ tháng 04 năm 2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Đoàn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Đoàn Thị Thùy T và anh Nguyễn Thế C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 26/6/2018, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị T, anh C cách biệt nhau về tuổi tác nên lối sống, suy nghĩ bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự gắn bó, chia sẻ với nhau trong công việc gia đình và mọi vấn đề của cuộc sống từ đó dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm giữa anh C, chị T từ khoảng tháng 03 năm 2020, anh C ghen tuông, nghi ngờ chị T có quan hệ với người khác nên đe dọa, thường xuyên có lời nói xúc phạm, xỉ vả đến chị T, sau đó anh C không sống cùng chị T mà đã về nhà tại phường N, thành phố H sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng, không quan tâm đến nhau. Anh C cũng một vài lần đến tìm chị T về chung sống nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết không về. Gia đình hai bên cũng hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Bản thân anh C mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh C.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, đến nay vợ chồng không còn khả năng quay về đoàn tụ. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử chị T ly hôn anh C là phù hợp quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ con chung**: Chị T, anh C đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018. Hiện nay cháu M đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T, anh C đều xin nhận nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh C đều xuất trình cho Tòa án bảng lương để chứng minh thu nhập ổn định, đảm bảo thời gian và điều kiện nuôi con. Về chỗ ở chị T và anh C hiện nay đều ở nhà bố mẹ đẻ. Gia đình hai bên sẽ tạo mọi điều kiện để cho anh chị nuôi con đến khi trưởng thành.

Xét thấy: Về điều kiện vật chất cũng như chỗ ăn ở của chị T, anh C đều đảm bảo nuôi dưỡng cháu M tốt nhất, nhưng do hiện nay cháu M còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị T, anh C đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về án phí**: Chị Đoàn Thị Thùy T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đoàn Thị Thùy T ly hôn anh Nguyễn Thế C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 27/12/2018 kể từ tháng 4 năm 2021 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thế C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. **Về án phí**: Chị Đoàn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004988 ngày 04/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

Nơi nhận:
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang